TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH ĐẮK NÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 13/2017/HNGĐ-ST
Ngày 22-9-2017
"*V/v Không công nhận vợ chồng".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH ĐẮK NÔNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Xuân Hoàng;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hứa Thị Nhị

2. Ông Nguyễn Đức PH.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Nhàn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Cảnh Dương – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 56/2017/HNGĐ, ngày 27 tháng 4 năm 2017 về tranh chấp "Không công nhận vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2017/QĐST-HNGĐ, ngày 14 tháng 8 năm 2017, Quyết định Hoãn phiên tòa ../2017/QĐST-HNGĐ, ngày 6 tháng 9 năm 2017giữa các đương sự;

Nguyên đơn: Anh Phù Văn T, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn 5, xã NJ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông – có mặt.

Bị đơn: Chị Bùi Thị H, sinh năm 1989; địa chỉ: Bon Boong Rinh, xã NJ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông – có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 10/4/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – anh Phù Văn T trình bày: Anh và chị Bùi Thị H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2005 có làm cơn để ra mắt hai họ mà không đăng ký kết hôn. Khi đến với nhau hai bên hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, tuy nhiên do chị H chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn và không am hiểu pháp luật nên anh chị không đăng ký kết hôn.

Quá trình chung sống anh T và chị H có với nhau 02 con chung là Phù Thị Mỹ H, sinh ngày 28/01/2007 và Phù Thị Yến N, sinh ngày 09/6/2008.

Trong quá trình chung sống anh T và chị H sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do xuất phát từ phía mẹ chị H nên hai vợ chồng thường xuyên cãi vã, anh cũng có đánh chị H và chị H có bỏ đi một thời gian dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hòa giải được. Hiện tại anh T và chị H đã ly thân từ năm 2014, anh xác định không còn tình cảm và không thể chung sống với chị H được nữa nên anh đề nghị Tòa án giải quyết như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ giữa anh với chị H là vợ chồng.

Về con chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo các văn bản trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Bùi Thị H trình bày: Chị H thừa nhận lời trình bày của anh T về việc anh chị sống chung như vợ chồng và vấn đề con chung là đúng. Tuy nhiên về nguyên nhân mâu thuẫn chị H cho rằng do hai bên cãi nhau, anh T đánh đập chị và không tH yêu vợ con nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Chị H xác định không còn tình cảm với anh T và không thể tiếp tục chung sống với anh T nữa nên anh nhất trí với quan điểm của anh T về quan hệ hôn nhân.

Về con chung: Quá trình giải quyết vụ án ngày 26/7/2017 chị H có đơn phản tố về vấn đề con chung là chị xin trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung là Phù Thị Mỹ H, sinh ngày 28/01/2007 và Phù Thị Yến N, sinh ngày 09/6/2008 đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H yêu cầu anh T cấp dưỡng đối với 02 con là Huệ và Nhi mỗi tháng 4.000.000 đồng/tháng/02 con. Ngày 21/8/2017 chị H có đơn xin rút đơn phản tố về vấn đề con chung và cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay các bên vẫn giữ nguyên quan điểm của mình, không ai có yêu cầu gì bổ sung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án là đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu không công nhận là vợ chồng.

Các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án: bản sao giấy khai sinh của con; sổ hộ khẩu, giấy chứng minh nhân dân (bản chứng thực) đây là tình tiết, sự kiện các bên đương sự đã thống nhất nên không phải chứng minh.

Các bên đương sự thống nhất với nhau về toàn bộ nội dung vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Nguyên đơn anh T khởi kiện chị H về tranh chấp "Không công nhận là vợ chồng" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS. Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại bon Boong Rinh, xã NJ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông. Vì vậy, tranh chấp này thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân huyện Đ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phù Văn T và chị Bùi Thị H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2005 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, vì vậy quan hệ hôn nhân của anh T chị H không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung và về cấp dưỡng: Quá trình giải quyết vụ án ngày 26/7/2017 chị H có đơn phản tố về vấn đề con chung là chị xin trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung là Phù Thị Mỹ H, sinh ngày 28/01/2007 và Phù Thị Yến N, sinh ngày 09/6/2008 đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H yêu cầu anh T cấp dưỡng đối với 02 con là Huệ và Nhi mỗi tháng 4.000.000 đồng/tháng/02 con. Ngày 21/8/2017 chị H có đơn xin rút đơn phản tố về vấn đề con chung và cấp dưỡng.

Xét thấy việc rút một phần yêu cầu phản tố là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự. HĐXX đình chỉ yêu cầu phản tố của chị H về vấn đề con chung và cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[5] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và phát biểu quan điểm về nội dung vụ án có cơ sở và căn cứ nên cần chấp nhận.

[6] Về án phí: Anh Phù Văn T phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1, khoản 5 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; điểm c khoản 1 Điều 217; khoản 1 Điều 218; Điều 219; Điều 143; Điều 147; Điều 264; Điều 266; Điều 267; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 14; Điều 15; Điều 16; khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phù Văn T

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa anh Phù Văn T và chị Bùi Thị H là quan hệ vợ chồng.

2. Về con chung: Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện quan hệ "Tranh chấp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung". Các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Anh Phù Văn T phải chịu toàn bộ số tiền trên, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm anh T đã nộp theo biên lai số 0004123 ngày 27/4/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

Hoàn trả lại cho chị Bùi Thị H 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) số tiền tạm ứng án phí phản tố đã nộp theo biên lai số 0000346 ngày 26/7/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *STP tỉnh Đăk Nông;*
- *TAND tỉnh Đắk Nông;*
- *VKSND huyện Đắk Song;*
- *Chi cục THA huyện Đắk Song;*
- *UBND xã Nâm N'Jang;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phan Xuân Hoàng